

Tuần 21 (23/1 – 27/1)

CHỦ ĐỀ: LỚP CHIM

Bài 41: CHIM BÒ CÂU

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Học sinh trình bày được đặc điểm đời sống, cấu tạo ngoài của chim bồ câu.
- Giải thích được đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay lượn.
- Phân biệt được kiểu bay vỗ cánh và kiểu bay lượn .

2. Kỹ năng:

Rèn kỹ năng quan sát tranh. Kỹ năng làm việc hoạt động nhóm.

3. Thái độ:

Giáo dục học sinh yêu thích bộ môn.

4. Năng lực:

- Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề
- Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Giới thiệu bài mới: GV giới thiệu đặc điểm đặc trưng của lớp chim: Cấu tạo cơ thể thích nghi với sự bay và giới hạn nội dung nghiên cứu: chim bồ câu.

2. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động 1: Đời sống chim bồ câu

GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi:

- Cho biết tổ tiên của chim bồ câu nhà?

+ Đặc điểm đời sống của chim bồ câu?

Đặc điểm sinh sản của chim bồ câu?

- So sánh sự sinh sản của thằn lằn và chim?

Hiện tượng ấp trứng và nuôi con có ý nghĩa gì?

***Ghi bài**

- Đời sống:

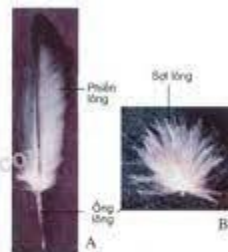
- + Sống trên cây, bay giỏi
- + Tập tính làm tổ
- + Là động vật hằng nhiệt
- Sinh sản:
 - + Thụ tinh trong
 - + Trứng có nhiều noãn hoàng, có vỏ đá vôi
 - + Có hiện tượng ấp trứng, nuôi con bằng sữa điều.

Hoạt động 2: Cấu tạo ngoài và di chuyển

a. Cấu tạo ngoài



Hình 41.1. Cấu tạo ngoài chim bồ câu



Hình 41.2. Cấu tạo lông chim bồ câu
A – Lông ống (lông cánh, lông đuôi)
B – Lông tơ

GV yêu cầu HS quan sát hình 41.1 và 41.2, đọc thông tin trong SGK trang 136 và nêu đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu.

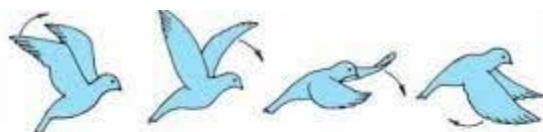
*Ghi bài

Đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu thích nghi với sự bay

Đặc điểm cấu tạo	Đặc điểm cấu tạo thích nghi với sự bay
Thân: hình thoi	Giảm sức cản của không khí khi bay

Chi trước: Cánh chim	Quạt gió (động lực của sự bay), cản không khí khi hạ cánh.
Chi sau: 3 ngón trước, 1 ngón sau	Giúp chim bám chặt vào cành cây và khi hạ cánh.
Lông ống: có các sợi lông làm thành phiến mỏng	Làm cho cánh chim khi giang ra tạo nên một diện tích rộng.
Lông bông: Có các lông mảnh làm thành chùm lông xốp	Giữ nhiệt , làm cơ thể nhẹ
Mỏ: Mỏ sừng bao lấy hàm không có răng	Làm đầu chim nhẹ
Cổ: Dài khớp đầu với thân.	Phát huy tác dụng của giác quan, bắt mồi, rũ lông.

b. Di chuyển



Hình 41.3. Kiểu bay vỗ cánh của chim bồ câu

▼ Quan sát hình 41.3 và hình 41.4, đánh dấu (✓) ứng với động tác thích hợp vào bảng 2.



Chim hải âu

Hình 41.4. Kiểu bay lượn của hải âu

- GV yêu cầu HS quan sát kĩ hình 41.3, 41.4 SGK.
- Nhận biết kiểu bay lượn và bay vỗ cánh?

*Ghi bài

- Chim có 2 kiểu bay:
- + Bay lượn

+ Bay vỗ cánh.

Dặn dò : học bài 41, đọc em có biết

Chuẩn bị bài 42

Bài 44: ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA LỚP CHIM

A.MỤC TIÊU

- 1. Kiến thức:** Mô tả được hình thái và hoạt động của đại diện lớp Chim (chim bồ câu) thích nghi với sự bay. Nêu được tập tính của chim bồ câu
- 2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng quan sát tranh , so sánh, thực hành, thí nghiệm,....
- 3. Thái độ:** GD ý thức yêu thích môn học, tính nghiêm túc, cẩn thận trong thí nghiệm
- 4. Năng lực:**
 - Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề
 - Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Giới thiệu bài mới: Lớp chim được biết khoảng 9600 loài, ở VN có khoảng 830 loài, được chia thành các nhóm sinh thái khác nhau. Để biết được có mấy nhóm bài mới.

2. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động 1: Tìm hiểu sự đa dạng của các nhóm chim



Hình 44.1. Đà điểu Úc



Hình 44.2. Chim cắt



Hình 44.3. Đại diện điển hình của một số loài chim được nhóm theo họ.
 Bồ câu (họ bồ câu) : 1. Công ; 2. Gà rừng ;
 Bồ nông (họ bồ nông) : 3. Vịt trời và vịt nhà ;
 Bồ câu (họ bồ nông) : 4. Cắt và cắt cổ ;
 Bồ câu (họ bồ nông) : 5. Cắt cổ.

Nhóm chim	Đại diện	Môi trường sống	Đặc điểm cấu tạo			
			Cánh	Cơ ngực	Chân	Ngón
Chạy	Đà điểu	Thảo nguyên, sa mạc	Ngắn, yếu	Không phát triển	Cao, to, khỏe	2-3 ngón
Bơi	Chim	Biển	Dài,	Rất phát	Ngắn	4 ngón có màng

	cánh cụt		<i>khỏe</i>	<i>triển</i>		<i>bơi</i>
Bay	Chim ưng	<i>Núi đá</i>	<i>Dài, khỏe</i>	<i>Phát triển</i>	<i>To, có vuốt cong.</i>	<i>4 ngón</i>

***Ghi bài**

- Lớp chim rất đa dạng: Số loài nhiều, chia làm 3 nhóm:

+ Chim chạy

+ Chim bơi

+ Chim bay

- Lối sống và môi trường sống phong phú.

Hoạt động 2: Đặc điểm chung của lớp chim (Mục II. Đặc điểm chung của Chim
Không dạy các đặc điểm chung về cấu tạo trong.)

***Ghi bài**

- Đặc điểm chung

+ Mình có lông vũ bao phủ

+ Chi trước biến đổi thành cánh

+ Có mỏ sừng

+ Phổi có mang ống khí, có túi khí tham gia hô hấp.

+ Tim 4 ngăn, máu đỏ tươi nuôi cơ thể

+ Trứng có vỏ đá vôi, được ấp nhờ thân nhiệt của chim bố mẹ.

+ Là động vật hằng nhiệt.

Hoạt động 3: Vai trò của chim

GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

- Nêu ích lợi và tác hại của chim trong tự nhiên và trong đời sống con người?
- Lấy các ví dụ về tác hại và lợi ích của chim đối với con người?

***Ghi bài**

Vai trò của chim:

- Lợi ích:

- + ăn sâu bọ và động vật gặm nhấm
- + Cung cấp thực phẩm
- + Làm chăn, đệt, đồ trang trí, làm cảnh.
- + Huấn luyện để săn mồi, phục vụ du lịch.
- + Giúp phát tán cây rừng.

- Có hại:

- + ăn hạt, quả, cá...
- + Là động vật trung gian truyền bệnh.

Dặn dò : Học bài , đọc trước bài 45